

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	9

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	-
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	-
Bà Võ Phước Thụy An	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	15 tháng 4 năm 2011

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Vĩnh Nhì	Phó Giám đốc	1 tháng 4 năm 2008	2 tháng 5 năm 2011
Bà La Thị Hạnh Thảo	Giám đốc tài chính	17 tháng 6 năm 2010	16 tháng 6 năm 2011

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 116-21-11

Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán dính kèm của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") như được trình bày từ trang 4 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2011.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng chứng minh cho các số liệu và giải trình trên các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng do Ban Giám đốc thực hiện, cũng như đánh giá sự trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA ACPA
Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231

NGUYỄN QUỐC TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN MẠNH TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CĂN ĐỒI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.586.509.083	122.628.181.225
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.401.011.885	10.539.056.591
Tiền	111		5.101.011.885	6.539.056.591
Các khoản tương đương tiền	112		9.300.000.000	4.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.543.668.392	8.579.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	18.543.668.392	8.579.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.299.215.594	77.805.386.980
Phải thu khách hàng	131	33	50.927.482.982	70.472.517.600
Trả trước cho người bán	132		2.685.581.204	1.984.720.363
Phải thu khác	135	6;33	8.574.257.217	6.407.597.225
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(888.105.809)	(1.059.448.208)
Hàng tồn kho	140	8	11.753.484.607	19.956.538.203
Hàng tồn kho	141		13.419.446.542	21.246.563.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.665.961.935)	(1.290.025.075)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.589.128.605	5.747.699.451
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.764.845.504	2.271.425.742
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		277.774.507	1.180.492.341
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.546.508.594	2.295.781.368
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.233.862.758	68.812.133.592
Tài sản cố định	220		2.308.304.770	2.462.370.890
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.005.973.073	1.225.922.027
- Nguyên giá	222		4.004.085.022	4.301.482.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.998.111.949)	(3.075.559.981)
Tài sản cố định vô hình	227	12	65.812.776	102.375.444
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.875.224)	(7.312.556)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.236.518.921	1.134.073.419
Bất động sản đầu tư	240	14	15.505.224.590	21.234.353.401
- Nguyên giá	241		38.179.543.108	37.583.618.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.674.318.518)	(16.349.265.266)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.809.227.098	41.399.966.644
Đầu tư vào công ty con	251	15	4.629.330.000	2.635.330.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	32.119.400.000	32.119.400.000
Đầu tư dài hạn khác	258	17	7.060.497.098	6.645.236.644
Tài sản dài hạn khác	260		3.611.106.300	3.715.442.657
Chi phí trả trước dài hạn	261		995.122.416	873.935.484
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30	48.187.637	210.035.294
Tài sản dài hạn khác	268	18	2.567.796.247	2.631.471.879
TỔNG TÀI SẢN	270		176.820.371.841	191.440.314.817

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÁC ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		61.028.021.782	70.877.781.341
Nợ ngắn hạn	310		58.200.234.965	63.514.995.992
Vay ngắn hạn	311	19	2.676.888.550	5.966.698.725
Phải trả người bán	312	33	43.724.035.491	42.642.703.845
Người mua trả tiền trước	313		887.730.228	1.699.534.319
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách				
Nhà nước	314	20	5.204.604.503	5.121.520.511
Phải trả người lao động	315		-	1.505.158.060
Chi phí phải trả	316	21	1.120.805.477	1.583.788.657
Phải trả khác	319	22;33	1.615.116.989	2.728.571.806
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.334.170.159	1.190.355.871
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.636.883.568	1.076.664.198
Nợ dài hạn	330		2.827.786.817	7.362.785.349
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		138.906.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		1.056.131.671	6.647.261.135
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.632.749.146	715.524.214
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.792.350.059	120.562.533.476
Vốn chủ sở hữu	410	23	115.792.350.059	120.562.533.476
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(286.125.132)	(225.341.132)
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	237.615.549
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.076.216.022	4.076.216.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420		13.554.441.037	18.026.224.905
TỔNG NGUỒN VỐN	440		176.820.371.841	191.440.314.817

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	190.233.016.970	206.783.686.089	
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	(8.736.000)	(156.916.885)	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	190.224.280.970	206.626.769.204
Giá vốn hàng bán	11	25;34	(141.385.419.581)	(152.143.473.296)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	48.838.861.389	54.483.295.908	
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.758.857.926	6.954.522.509
Chi phí tài chính	22	27	(1.703.259.150)	(2.886.053.913)
Chi phí bán hàng	24	34	(12.027.424.599)	(13.738.588.892)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	(9.104.899.252)	(9.727.865.805)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	29.762.136.314	35.085.309.807	
Thu nhập khác	31	28	896.808.542	171.530.193
Chi phí khác	32	29	(162.172.049)	(167.993.115)
Lợi nhuận khác	40	734.636.493	3.537.078	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30.496.772.807	35.088.846.885	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(4.072.158.867)	(6.353.220.319)
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(161.847.657)	184.387.690
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	23	26.262.766.283	28.920.014.256

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.496.772.807	35.088.846.885
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.852.573.126	6.787.194.803
Thay đổi các khoản dự phòng	03		204.594.461	1.311.552.884
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	04		(203.984.527)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.457.670.011)	(6.406.549.326)
Chi phí lãi vay	06		828.607.563	1.251.477.687
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		34.720.893.419	38.032.522.933
Giảm các khoản phải thu	09		7.950.422.018	9.845.174.136
Giảm hàng tồn kho	10		7.827.116.736	6.403.774.554
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(6.677.715.529)	2.635.422.055
Tăng chi phí trả trước	12		(614.606.694)	(722.022.394)
Tiền lãi vay đã trả	13		(857.944.750)	(1.266.948.145)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.107.006.837)	(8.355.685.828)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		217.537.875	4.153.603.376
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.301.665.698)	(5.566.454.243)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		37.157.030.540	45.159.386.444
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(979.697.453)	(1.798.738.237)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		214.303.785	52.832.666
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(85.174.180.750)	(38.408.467.467)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		85.027.042.677	28.909.062.840
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		(2.994.000.000)	(939.295.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.450.599.370	2.805.104.470
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư	30		(455.932.371)	(9.379.500.728)
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(60.784.000)	8.635.127.000
Tiền vay nhận được	33		13.467.068.575	17.046.944.593
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.756.878.750)	(38.740.927.903)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.488.548.700)	(15.577.170.400)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(32.839.142.875)	(28.636.026.710)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TẾ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Mã số	2011	2010
LƯU CHUYÊN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		50	3.861.955.294	7.143.859.006
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM		60	4	10.539.056.591
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		70	4	14.401.011.885
				10.539.056.591

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

PHAN THI KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh.

Hoạt động của Công ty là mua bán thiết bị điện, điện tử, máy phát điện, thiết bị chống sét; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng cho xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh trong công nghiệp và dân dụng; mua bán máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ; nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; mua bán hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, tin học; tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường; xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống; sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống; xây dựng giao thông, thủy lợi; dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi; môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và sản xuất thiết bị viễn thông.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	3.993.649	43,23%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.146.972	12,40%
Ông Nguyễn Hữu Dũng	543.339	5,88%
Ông Tạ Huy Phong	182.034	1,97%
Các cổ đông khác	3.370.452	36,52%
	9.236.446	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 85 nhân viên (31 tháng 12 năm 2010: 100 nhân viên).

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại thuyết minh số 32.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

3.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính định kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành một cách riêng biệt.

3.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

3.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

3.10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

3.12. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.13. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

3.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,35% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.16. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	Tỷ lệ trích
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

3.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

3.18. Thuế hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuế. Những ưu đãi thuế được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuế.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.19. Chi phí vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

3.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm trước. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm khác và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư, các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty và các công ty con và các công ty liên kết của các nhà đầu tư.

3.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

3.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

3.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	104.184.712	118.175.576
Tiền gửi ngân hàng	4.996.827.173	6.420.881.015
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	9.300.000.000	4.000.000.000
	14.401.011.885	10.539.056.591

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác với VND như sau:

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	883	2.199
- Euro ("EUR")	217	228

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạch toán Toàn Cầu với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2010: 13,60% một năm)	6.468.268.392	7.000.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Inno và không tính lãi suất	6.814.400.000	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong trị giá 135.000 USD với lãi suất 3,96% một năm	2.781.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	480.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho Ông Phạm Khắc Tân và không tính lãi suất	-	1.579.500.000
	18.543.668.392	8.579.500.000

6. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong – nhà đầu tư	6.550.000.000	5.716.000.000
Khoản phải thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (xem thuyết minh 15)	1.000.000.000	-
Khoản vay cung cấp cho các công ty liên quan	397.313.510	-
Phải thu lãi vay	283.520.641	216.450.000
Phải thu phí tiện ích	153.296.604	237.349.479
Phải thu khác	190.126.462	237.797.746
	8.574.257.217	6.407.597.225

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.059.448.208	590.895.517
Dự phòng tăng trong năm	360.167.928	468.552.691
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(531.510.327)	-
Số dư cuối năm	888.105.809	1.059.448.208

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên vật liệu	3.360.751.542	4.508.319.384
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.631.430.435	9.104.466.968
Thành phẩm	372.680.902	394.270.523
Hàng hóa	6.054.583.663	7.239.506.403
	13.419.446.542	21.246.563.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.665.961.935)	(1.290.025.075)
	11.753.484.607	19.956.538.203

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.290.025.075	447.024.882
Tăng trong năm	375.936.860	843.000.193
Số dư cuối năm	1.665.961.935	1.290.025.075

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Dụng cụ văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.051.907.816	181.382.148	38.135.778	2.271.425.742
Tăng trong năm	5.372.331.600	593.333.115	-	5.965.664.715
Phân bổ trong năm	(5.155.587.338)	(307.128.615)	(9.529.000)	(5.472.244.953)
Số dư cuối năm	2.268.652.078	467.586.648	28.606.778	2.764.845.504

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tạm ứng	2.103.196.190	1.698.606.721
Đặt cọc ngắn hạn	443.312.404	597.174.647
	2.546.508.594	2.295.781.368

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	594.050.123	2.639.315.755	1.068.116.130	4.301.482.008
Tăng trong năm	139.106.240	21.000.000	-	98.123.181	258.229.421
Thanh lý	-	(253.727.244)	-	(301.899.163)	(555.626.407)
Số dư cuối năm	139.106.240	361.322.879	2.639.315.755	864.340.148	4.004.085.022
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	(526.034.943)	(1.829.531.927)	(719.993.111)	(3.075.559.981)
Hao mòn trong năm	(2.060.834)	(15.435.314)	(255.949.440)	(204.732.787)	(478.178.375)
Thanh lý	-	253.727.244	-	301.899.163	555.626.407
Số dư cuối năm	(2.060.834)	(287.743.013)	(2.085.481.367)	(622.826.735)	(2.998.111.949)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	68.015.180	809.783.828	348.123.019	1.225.922.027
Số dư cuối năm	137.045.406	73.579.866	553.834.388	241.513.413	1.005.973.073

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 1.730 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 2.043 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(7.312.556)
Hao mòn trong năm	(36.562.668)
Số dư cuối năm	(43.875.224)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	102.375.444
Số dư cuối năm	65.812.776

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2011	2010
Số dư đầu năm	1.134.073.419	448.512.551
Tăng trong năm	649.014.112	1.180.881.242
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(546.568.610)	(495.320.374)
Số dư cuối năm	1.236.518.921	1.134.073.419

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Bất động sản đầu tư

Trạm thu phát sóng

Nguyên giá		37.583.618.667
Số dư đầu năm		72.453.920
Tăng trong năm		546.568.610
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang		(23.098.089)
Thanh lý		
Số dư cuối năm		38.179.543.108
Giá trị hao mòn lũy kế		(16.349.265.266)
Số dư đầu năm		(6.337.832.083)
Hao mòn trong năm		
Thanh lý		12.778.831
Số dư cuối năm		(22.674.318.518)
Giá trị còn lại		21.234.353.401
Số dư đầu năm		
Số dư cuối năm		15.505.224.590

15. Đầu tư vào công ty con

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	% sở hữu	VND	% sở hữu	VND
Công ty Cổ phần Inno (*)	99,8%	2.994.000.000	-	-
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	51,0%	1.635.330.000	51,0%	1.635.330.000
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (xem Thuyết minh 6) (**)	-	-	100,0%	1.000.000.000
		4.629.330.000		2.635.330.000

(*) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41221000327 ngày 17 tháng 12 năm 2010 được cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư 2.994 triệu VND, tương đương 99,8% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno.

(**) Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu vẫn chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Do đó, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu được phân loại sang phải thu khác để chờ xử lý.

16. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 32.119.400.000 VND, tương đương 41% vốn cổ phần của GII (31 tháng 12 năm 2010: 32.119.400.000 VND, tương đương 41%).

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	4.129.945.098	4.613.641.644
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (*)	1.098.957.000	-
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	200.000.000
	7.060.497.098	6.645.236.644

(*) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

18. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đặt cọc tiền thuê	2.170.850.000	2.171.850.000
Thẻ chấp tại ngân hàng để bảo lãnh cho các hợp đồng kinh tế	182.136.247	237.811.879
Đặt cọc khác	214.810.000	221.810.000
	2.567.796.247	2.631.471.879

19. Vay ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc Điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 18,5% một năm (2010: 13,0% đến 13,8% một năm).	2.676.888.550	5.966.698.725

20. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	344.449.989	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	140.950.125	-
Thuế xuất nhập khẩu	62.562.444	693.371.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.076.976.575	4.111.824.545
Thuế thu nhập cá nhân	312.857.825	316.324.679
Thuế nhà thầu	266.807.545	-
	5.204.604.503	5.121.520.511

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Chi phí phải trả

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, nhân công trạm	1.024.507.122	1.546.153.115
Chi phí dịch vụ chuyên môn	88.000.000	-
Chi phí lãi vay	8.298.355	37.635.542
	1.120.805.477	1.583.788.657

22. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay phải trả các bên liên quan (*)	958.857.266	1.661.681.766
Quỹ phúc lợi phải trả nhà đầu tư	113.675.000	460.776.318
Tiền thuê đất từ bên liên quan	284.348.160	218.400.000
Phi tiện ích	115.225.411	223.941.231
Phải trả khác	143.011.152	163.772.491
	1.615.116.989	2.728.571.806

(*) Khoản vay các bên liên quan không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

23. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2010	63.757.790.000	623.231.132	(225.341.132)	239.165.485	4.076.216.022	31.984.860.393	100.455.921.900
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.431.670.000	-	-	-	-	(25.431.670.000)	-
Tăng vốn góp bằng tiền mặt	3.175.000.000	5.460.127.000	-	-	-	-	8.635.127.000
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	28.920.014.256	28.920.014.256
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.577.170.400)	(15.577.170.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.869.809.344)	(1.869.809.344)
Giảm khác	-	-	-	(1.549.936)	-	-	(1.549.936)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(225.341.132)	237.615.549	4.076.216.022	18.026.224.905	120.562.533.476
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	26.262.766.283	26.262.766.283
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(29.488.548.700)	(29.488.548.700)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(1.483.617.000)	(1.483.617.000)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(237.615.549)	-	237.615.549	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(60.784.000)	-	-	-	(60.784.000)
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	-	4.076.216.022	13.554.441.037	115.792.350.059

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	(19.750)	(286.125.132)	(17.750)	(225.341.132)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành	9.216.696	92.078.334.868	9.218.696	92.139.118.868

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VND.

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2011	2010
Doanh thu bán hàng hóa	113.925.241.675	125.272.751.233
Doanh thu bán thành phẩm	25.377.492.274	21.474.145.016
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	28.506.310.709	25.952.177.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	22.423.972.312	34.084.612.510
Tổng doanh thu	190.233.016.970	206.783.686.089
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(8.736.000)	(156.916.885)
Doanh thu thuần	190.224.280.970	206.626.769.204

25. Giá vốn hàng bán

	2011	2010
Giá vốn của hàng hóa	94.038.838.954	103.939.395.376
Giá vốn của thành phẩm	12.356.302.755	7.749.230.109
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	15.691.656.784	13.317.317.966
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật	18.922.684.228	26.294.529.652
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	375.936.860	843.000.193
	141.385.419.581	152.143.473.296

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011	2010
Lãi tiền gửi	1.058.010.055	1.001.292.078
Lãi cho vay	827.659.956	1.265.229.157
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.632.000.000	4.374.295.918
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	241.187.915	313.705.356
	3.758.857.926	6.954.522.509

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

27. Chi phí tài chính

	2011	2010
Chi phí lãi vay	828.607.563	1.251.477.687
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	814.651.587	1.634.576.226
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Lửa	60.000.000	-
	1.703.259.150	2.886.053.913

28. Thu nhập khác

	2011	2010
Tiền thu từ phạt chậm thanh toán	330.741.408	3.960.000
Hoàn nhập chi phí dự phòng	307.383.533	84.005.411
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	214.303.785	41.604.368
Thu nhập khác	44.379.816	41.960.414
	896.808.542	171.530.193

29. Chi phí khác

	2011	2010
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã thanh lý	10.319.258	-
Tiền chi từ phạt chậm thanh toán	85.167.032	-
Chi phí khác	66.685.759	167.993.115
	162.172.049	167.993.115

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên phát sinh lợi nhuận chịu thuế (2008 - 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo (2010 - 2012).

Theo Nghị định Số 101/2011/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 08/2011/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và cá nhân ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2011, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2011.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	2011	2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	4.072.158.867	6.353.220.319
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập/(phát sinh) các khoản chênh lệch tạm thời	161.847.657	(184.387.690)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.234.006.524	6.168.832.629

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011		2010	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.496.772.807	%	35.088.846.885	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	7.624.193.202	25,00%	8.772.211.721	25,00%
Chi phí không được khấu trừ	118.515.465	0,39%	96.503.980	0,28%
Ưu đãi thuế	(1.469.039.363)	(4,82%)	(1.581.400.957)	(4,51%)
Giảm thuế	(1.631.662.780)	(5,35%)	-	-
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(408.000.000)	(1,34%)	(1.093.573.980)	(3,12%)
Thuế của năm trước ghi nhận thừa	-	-	(24.908.135)	(0,07%)
	4.234.006.524	13,88%	6.168.832.629	17,58%

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.918.239	(117.918.239)	-
Trích trước chi phí lắp đặt	19.573.389	(19.573.389)	-
Chi phí bảo hành phải trả	50.555.739	(2.368.102)	48.187.637
Khác	21.987.927	(21.987.927)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	210.035.294	(161.847.657)	48.187.637

31. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

32. Mục đích và chính sách rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	883	2.199
Đầu tư ngắn hạn	135.000	-
	135.883	2.199
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	213.569	171.584

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	2.676.888.550	-	2.676.888.550
Phải trả người bán	43.431.131.488	292.884.003	43.724.015.491
Người mua trả tiền trước	836.167.728	51.562.500	887.730.228
Chi phí phải trả	902.245.477	218.560.000	1.120.805.477
Phải trả khác	568.132.707	1.046.984.282	1.615.116.989
	48.414.565.950	1.609.990.785	50.024.556.735
31 tháng 12 năm 2010			
Vay ngắn hạn	5.966.698.725	-	5.966.698.725
Phải trả người bán	42.128.551.305	514.152.540	42.642.703.845
Người mua trả tiền trước	1.664.532.319	35.002.000	1.699.534.319
Chi phí phải trả	1.485.848.319	97.940.338	1.583.788.657
Phải trả khác	1.766.132.540	962.439.266	2.728.571.806
	53.011.763.208	1.609.534.144	54.621.297.352

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư ngắn hạn	18.543.668.392	-	18.543.668.392
Phải thu khách hàng	42.845.402.498	8.082.080.484	50.927.482.982
Trả trước cho người bán	2.292.266.057	393.315.147	2.685.581.204
Phải thu khác	1.961.602.857	6.612.654.360	8.574.257.217
Đầu tư dài hạn khác	-	7.060.497.098	7.060.497.098
	65.642.939.804	22.148.547.089	87.791.486.893
31 tháng 12 năm 2010			
Đầu tư ngắn hạn	8.579.500.000	-	8.579.500.000
Phải thu khách hàng	50.827.891.810	19.644.625.790	70.472.517.600
Trả trước cho người bán	1.721.495.683	263.224.680	1.984.720.363
Phải thu khác	624.890.285	5.782.706.940	6.407.597.225
Đầu tư dài hạn khác	-	6.645.236.644	6.645.236.644
	61.753.777.778	32.335.794.054	94.089.571.832

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2011	2010
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	92.706.000	628.113.636
	Vay	-	(3.840.000.000)
	Chi phí lãi vay	(182.008.543)	(148.645.540)
Ban Giám đốc	Tạm ứng	167.000.000	195.384.000
	Vay	-	(2.208.214.000)
	Chi phí lãi vay	-	(23.650.000)

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	96.239.095	36.650.044
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	71.000.000	26.761.798
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	(8.298.355)	(37.635.542)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2011	2010
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.478.699.550	2.224.423.617

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Bản chất giao dịch</u>	<u>2011</u>	<u>2010</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa và thành phẩm	2.191.755.112	2.414.963.163
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.060.821.154)	(271.286.444)
		Phải thu chi phí tiện ích	11.672.500	23.341.750
		Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(2.215.839.475)	(2.980.669.301)
		Cho vay	2.781.000.000	9.000.000.000
		Lãi cho vay	46.659.000	59.866.667
		Cho mượn tiền	8.650.000.000	9.716.000.000
		Cỗ tức đã trả	(12.670.656.800)	(3.841.849.000)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Bán hàng hóa và thành phẩm	557.695.850	212.897.121
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(42.841.028.101)	(44.699.718.299)
		Chi hộ phí bảo lãnh	261.434.576	-
		Nhận ký quỹ bảo lãnh	(1.215.034.099)	(809.324.500)
		Phải thu chi phí tiện ích và chi phí khác	199.997.350	228.716.911
		Phải trả chi phí tiện ích	-	(5.715.000)
		Cho vay	2.740.000.000	6.900.000.000
		Đi vay	(3.616.078.697)	(1.500.000.000)
		Lãi cho vay	33.209.805	34.130.000
		Lãi đi vay	(78.405.746)	(7.200.000)
		Cho mượn tiền	1.342.514.937	210.000.000
		Cỗ tức nhận được	1.632.000.000	816.000.000
		Mua dụng cụ	-	(50.866.953)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	10.281.704.251	19.296.163.146
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(745.580.536)	(2.122.529.086)
		Nhận ký quỹ bảo lãnh	-	(146.265.800)
		Phải thu phí tiện ích và chi phí khác	115.983.501	153.983.842
		Phải trả chi phí tiện ích	(99.457.995)	-
		Xuất hộ thuê trạm	828.748.620	444.258.633
		Chi hộ chi phí thuê trạm	(593.200.000)	(642.000.000)
		Cho vay	12.493.333.773	15.900.000.000
		Lãi cho vay	472.090.166	1.082.494.443
		Cho mượn tiền	-	150.000.000
		Cỗ tức nhận được	-	3.419.400.000
		Phải thu phạt chậm thanh toán	417.904.680	-
		Thanh lý tài sản	-	40.734.116
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	-	1.940.972
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(735.507)	(4.773.000)
		Phải thu phí tiện ích	12.702.404	10.568.280
		Phải trả phí tiện ích	(3.137.000)	-
		Cho vay	-	2.000.000.000
		Lãi cho vay	-	64.933.334

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Bản chất giao dịch</u>	<u>2011</u>	<u>2010</u>
Công ty Cổ phần Tự động Tân Tiền	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm Mua hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay Cho mượn Phải thu phạt chậm thanh toán	101.917.360 (593.741) 18.666.530 (6.365.000) 1.000.000.000 13.500.000 38.000.000 6.506.250	414.409.760 - 16.784.600 - - - - -
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm Mua hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay Cho mượn	139.197.875 - 19.987.338 (5.095.500) 1.000.000.000 16.500.000 765.000.000	420.200.420 (1.202.985) 9.222.572 - 1.500.000.000 22.250.000 -
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả phí tiện ích	-	(856.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm Mua hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	803.364.973 (2.017.754.902) 23.300.050 11.100.000.000 85.180.000	603.688.995 (2.368.787.959) 10.464.183 - -
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Mượn tiền	- - - 764.091 (11.178.000) -	865.227.675 (1.831.710.525) (58.270.250) 12.143.123 - (910.000.000)
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Góp vốn đầu tư Cho vay Phải thu phí tiện ích	2.994.000.000 6.814.400.000 14.119.285	- - 3.234.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải thu phi thương mại	9.385.340.850	5.782.706.940
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	123.050.544 424.255.004	- 152.211.660
Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	2.225.178.489 6.593.438.049	10.509.287.886 219.918.750
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	11.036.744	5.863.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	- 25.273.933	113.681.100 -
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	107.217.663 12.520.572	436.262.112 8.771.479
Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	856.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	412.082.874 2.020.885.480	64.607.400 886.050
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	515.347.170
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Phải thu phi thương mại	6.831.713.510	3.234.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải trả thương mại	(1.206.844.380)	(68.315.626)
		Phải trả phi thương mại	(781.079.511)	(1.626.307.427)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải trả thương mại	(24.423.292.262)	(20.899.747.948)
		Phải trả phi thương mại	(87.627.016)	(771.688.750)
Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(513.102.668)	(998.163.938)
		Phải trả phi thương mại	(37.416.090)	(212.335.198)
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(929.775)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(33.889.927)	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(423.398.045)	(117.398.854)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(34.471.795)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(958.857.266)	(958.857.266)
Công ty Cổ phần Tân Lửa	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(260.789.936)

Các khoản phải thu/(phải trả) từ/(cho) nhà đầu tư, các công ty con, công ty liên kết, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

34. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm như sau:

	2011	2010
Chi phí hàng hóa xuất bán	94.038.838.954	103.939.395.376
Chi phí nguyên vật liệu	14.487.864.714	11.692.582.150
Chi phí công nhân viên	11.481.193.476	12.402.821.636
Chi phí vật dụng văn phòng	437.311.199	837.045.866
Chi phí khấu hao	6.852.573.126	6.787.194.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.174.245.793	28.795.078.678
Chi phí khác	2.551.090.016	2.885.363.648

35. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 2 năm 2012, Hội đồng Quản trị nhất trí trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2011 là 30% bằng tiền mặt trong đó đã tạm ứng lần 1 vào ngày 22 tháng 9 năm 2011 với tỷ lệ 12%, lần 2 vào ngày 22 tháng 12 năm 2011 với tỷ lệ 5%. Phần cổ tức với tỷ lệ 13% còn lại dự kiến được chi trả trong tháng 5 năm 2012.

Người lập:

PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc